

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt đề cương kỹ thuật và dự toán chi tiết thực hiện
xây dựng dự án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng
tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Quản lý rừng bền vững và Chứng chỉ rừng;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý rừng bền vững;

Căn cứ Công văn số 4721/BNN-TCLN ngày 15/7/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc thực hiện xây dựng phương án quản lý rừng bền vững;

Căn cứ Công văn số 3923/BNN-TCLN ngày 11/6/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc triển khai thực hiện Luật Lâm nghiệp và các văn bản hướng dẫn Luật;

Căn cứ Công văn số 1162/TCLN-PTSXLN ngày 02/8/2019 của Tổng cục Lâm nghiệp về việc triển khai thực hiện phương án quản lý rừng bền vững;

Căn cứ Công văn số 5593/UBND-KT ngày 08/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc thực hiện Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Công văn số 7140/UBND-KTTCKT ngày 23/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc thực hiện xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và theo dõi diễn biến rừng hàng năm;

Căn cứ Công văn số 5631/UBND-NNTNMT ngày 22/9/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc xây dựng dự án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2030;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 180/TTr-SNN ngày 11 tháng 12 năm 2020; ý kiến của Sở Tài chính tại công văn số 1854/STC-TCHCSN ngày 23/11/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề cương kỹ thuật và dự toán chi tiết thực hiện xây dựng dự án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2030 (Có đề cương kỹ thuật và dự toán chi tiết kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Giao Chi cục Kiểm lâm tỉnh thực hiện lựa chọn nhà thầu tư vấn thực hiện xây dựng dự án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2030 đảm bảo đúng quy định, theo đúng nội dung đề cương và dự toán được phê duyệt.

- Giao Sở Nông nghiệp và PTNT kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện dự án theo đúng đề cương được phê duyệt và đúng quy định hiện hành.

- Giao Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh cấp kinh phí thực hiện theo Dự toán được phê duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như điều 3 (t/hiện);
- CT, PCT UBND tỉnh (Bà Hoa);
- PVP (Ô. Thát);
- Lưu: VT, HàNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đỗ Thị Minh Hoa

ĐỀ CƯƠNG

**Xây dựng Dự án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng
tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2030**

(Kèm theo Quyết định số **2411/QĐ-UBND** ngày **29/12/2020** của UBND tỉnh Bắc Kạn)

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Sự cần thiết

Bắc Kạn là tỉnh miền núi thuộc vùng Đông Bắc bộ, gồm 07 huyện và 01 thành phố với 108 xã/phường, thị trấn. Tổng diện tích tự nhiên 485.996,00 ha. Diện tích đất có rừng là 371.949,9 ha (chiếm 76,5% tổng diện tích tự nhiên), gồm: Rừng tự nhiên 274.086,2 ha, rừng trồng 97.863,7 ha (trong đó đất đã trồng rừng nhưng chưa thành rừng 17.4975 ha), độ che phủ rừng là 72,9% (Theo Quyết định số 470/QĐ-UBND, ngày 23/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố hiện trạng rừng năm 2019 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn). Quản lý rừng bền vững nhằm bảo đảm sự phát triển bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường là xu thế tất yếu trong quá trình phát triển và hội nhập Quốc tế.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn với diện tích đất có rừng đủ điều kiện để triển khai thực hiện dự án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng là 371.949,9 ha, trong đó rừng thuộc các tổ chức quản lý (Ban quản lý rừng đặc dụng, Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Bắc Kạn, ...) bắt buộc phải xây dựng phương án quản lý rừng bền vững với diện tích khoảng trên 40.000 ha; phần lớn diện tích rừng còn lại khoảng 332.000 ha (trong đó có khoảng 260.000 ha rừng tự nhiên) do hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng quản lý. Việc xây dựng Dự án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng tỉnh Bắc Kạn (bao gồm cả diện tích của các tổ chức quản lý và diện tích rừng do hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng quản lý) làm cơ sở củng cố hồ sơ và hỗ trợ các tiêu chí kỹ thuật cho các chủ rừng xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững phục vụ cấp chứng chỉ rừng và làm cơ sở khai thác lâm sản trong rừng sản xuất là rừng tự nhiên khi không trong thời gian đóng cửa rừng (Quy định tại Khoản 1, Điều 58 Luật Lâm nghiệp và Điều 28 Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ), đồng thời thực hiện các hoạt động quản lý rừng bền vững theo quy định của pháp luật. Từ đó tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động liên quan theo đúng quy định hiện hành (Xây dựng đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; xây dựng kế hoạch phối hợp tổ chức nghiên cứu khoa học, cơ sở đào tạo, nhà khoa học, học sinh, sinh viên thực hiện việc nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập...).

Việc xây dựng Dự án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2030 là rất cần thiết nhằm quản lý và phát triển bền vững tài nguyên rừng, đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh, góp phần giải quyết các vấn đề kinh tế -

xã hội của địa phương, tạo công ăn việc làm, xóa đói giảm nghèo, tăng thu nhập cho người làm nghề rừng tại địa phương.

2. Những căn cứ pháp lý và tài liệu sử dụng

2.1. Những căn cứ pháp lý:

- Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;
- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Quản lý rừng bền vững và Chứng chỉ rừng;
- Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý rừng bền vững;
- Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng;
- Quyết định số 487/QĐ-BNN-TCCB ngày 26/2/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về định mức kinh tế kỹ thuật trong điều tra quy hoạch rừng;
- Văn bản số 1162/TCLN-PTSXLN ngày 02/8/2019 của Tổng cục Lâm nghiệp về việc triển khai thực hiện phương án quản lý rừng bền vững;
- Văn bản số 3923/BNN-TCLN ngày 11/06/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc triển khai thực hiện Luật Lâm nghiệp và các văn bản hướng dẫn Luật;
- Văn bản số 4721/BNN-TCLN ngày 15/7/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc thực hiện xây dựng phương án quản lý rừng bền vững;
- Văn bản số 5593/UBND-KT ngày 08/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc thực hiện Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ;
- Văn bản số 7140/UBND-KTTCKT ngày 23/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc thực hiện xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và theo dõi diễn biến rừng hàng năm;
- Văn bản số 5631/UBND-NNTNMT ngày 22 tháng 9 năm 2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc xây dựng dự án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2030;
- Văn bản số 7226/UBND-NNTNMT ngày 04/12/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc xây dựng lại đề cương chi tiết dự án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2030;
- Văn bản số 1373/STC-TCHCSN ngày 04/9/2020 của Sở Tài chính về việc kinh phí xây dựng dự án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2030;

- Văn bản số 1854/STC-TCHCSN ngày 23/11/2020 của Sở Tài chính về việc kết quả thẩm định dự toán chi tiết xây dựng Dự án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2030.

2.2. Những tài liệu sử dụng:

- Kết quả theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp năm 2019 tỉnh Bắc Kạn và hệ thống bản đồ kèm theo;
- Báo cáo số liệu rà soát điều chỉnh diện tích rừng sai khác giữa bản đồ và thực địa của các Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố;
- Bản đồ và số liệu chi trả dịch vụ môi trường rừng;
- Bản đồ và số liệu giao rừng;
- Bản đồ quy hoạch 3 loại rừng;
- Bản đồ hiện trạng tài nguyên rừng của tỉnh, huyện, xã;
- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất các cấp;
- Các định mức kinh tế kỹ thuật về điều tra, khảo sát, trồng rừng, khoanh nuôi, khai thác;
- Niên giám thống kê tỉnh Bắc Kạn năm 2019.

II. MỤC TIÊU, YÊU CẦU, PHẠM VI VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu tổng quát:

- Toàn bộ diện tích rừng phải được quản lý bền vững, đảm bảo hài hòa giữa các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học; nâng cao tỷ lệ che phủ rừng, giá trị dịch vụ môi trường rừng và ứng phó với biến đổi khí hậu là cơ sở để tích hợp các loại rừng vào quy hoạch lâm nghiệp quốc gia, quy hoạch tỉnh và là căn cứ để xây dựng kế hoạch đầu tư công, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng đối với các chủ rừng có sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước sau năm 2020. Thúc đẩy cấp chứng chỉ rừng trên địa bàn tỉnh nhằm góp phần đáp ứng các yêu cầu của thị trường trong nước và thế giới về nguồn gỗ hợp pháp.

- Nâng cao giá trị gỗ rừng trồng, góp phần xóa đói giảm nghèo đối với người làm nghề rừng và nâng cao giá trị cho ngành lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Làm cơ sở tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động của các dự án lâm nghiệp cụ thể giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách, giải pháp phù hợp để hỗ trợ chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân hoặc nhóm hộ đang quản lý rừng trồng là rừng sản xuất xây dựng, thực hiện phương án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng.

- Đưa ra các giải pháp tổ chức thực hiện để hỗ trợ chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân hoặc nhóm hộ đang quản lý rừng trồng là rừng sản xuất xây dựng phương án

quản lý rừng bền vững đối với 80.000 ha rừng tự nhiên sản xuất và 40.000 ha rừng trồng sản xuất trên địa bàn 8 huyện, thành phố của tỉnh trong giai đoạn 2021 - 2030.

- Hướng dẫn việc lập hồ sơ, tập huấn kỹ thuật cho các chủ rừng và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo hệ thống chứng chỉ rừng Việt Nam (VFCS) cho 40.000 ha rừng trồng sản xuất do hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư quản lý.

2. Yêu cầu

Xây dựng Dự án quản lý rừng bền vững phải phù hợp với:

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của toàn tỉnh và của từng địa phương.

- Kết quả rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch lại 3 loại rừng đã được UBND tỉnh Bắc Kạn phê duyệt tại Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 26/10/2018.

- Đề án Cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Bắc Kạn theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2035.

- Hồ sơ, tài liệu, bản đồ phụ vụ xây dựng dự án quản lý rừng bền vững phải có nguồn gốc hợp pháp và còn hiệu lực áp dụng.

- Hồ sơ, tài liệu, bản đồ được thu thập, điều tra trực tiếp hoặc kế thừa từ hồ sơ, tài liệu, bản đồ có sẵn đến thời điểm lập dự án quản lý rừng bền vững, trường hợp có thay đổi phải điều tra, thống kê, cập nhật bổ sung.

- Các loại bản đồ, tỷ lệ bản đồ phải thực hiện theo tiêu chuẩn Việt Nam số TCVN11565:2016; bản đồ hiện trạng sử dụng đất theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường; tỷ lệ bản đồ: 1/25.000; 1/50.000; 1/100.000 theo hệ quy chiếu VN2000.

3. Phạm vi, thời gian thực hiện

3.1. Phạm vi thực hiện:

- Thực hiện trên phạm vi toàn bộ diện tích rừng của tỉnh do các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng quản lý trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

- Xây dựng dự án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng trên toàn bộ diện tích rừng tự nhiên, rừng trồng thuộc quy hoạch rừng sản xuất do hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng quản lý.

- Khu bảo tồn Loài và Sinh cảnh Nam Xuân Lạc; Khu bảo tồn thiên nhiên Kim Hỷ; Vườn quốc gia Ba Bể; Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Bắc Kạn; các chủ rừng khác là tổ chức, doanh nghiệp tự xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững theo quy định tại Luật Lâm nghiệp.

3.2. Thời gian thực hiện:

- Phê duyệt Dự án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2030: Năm 2021.

- Giai đoạn 2021 - 2025: Các chủ rừng là tổ chức Nhà nước trong tỉnh Bắc Kạn có phương án quản lý rừng bền vững và thực hiện theo phương án; UBND tỉnh

giao Sở Nông nghiệp và PTNT (trực tiếp là Chi cục Kiểm lâm) tổ chức thực hiện các hoạt động của Dự án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2030 theo Dự án được UBND tỉnh phê duyệt.

- Giai đoạn 2021 - 2022: Xây dựng xong phương án quản lý rừng bền vững cho 80.000 ha diện tích rừng tự nhiên là rừng sản xuất của các hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng trên địa bàn tỉnh.

- Giai đoạn 2021 - 2025: Hình thành 05 nhóm hộ chứng chỉ rừng tại 04 huyện gồm: Thành phố Bắc Kạn, huyện Bạch Thông, huyện Ngân Sơn, huyện Na Rì, xây dựng và tổ chức cấp chứng chỉ rừng cho 15.000 ha rừng trồng sản xuất của cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng trên địa bàn 4 huyện, thành phố nêu trên (Quy mô mỗi nhóm hộ, cộng đồng chứng chỉ rừng từ 2.000 - 3.000 ha).

- Giai đoạn 2026 - 2030: Hình thành 8 nhóm hộ chứng chỉ rừng tại 4 huyện là: Ba Bể, Chợ Đồn, Chợ Mới, Pác Nặm xây dựng và xin cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững cho 25.000 ha rừng trồng sản xuất của cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng trên địa bàn 4 huyện nêu trên (Quy mô mỗi nhóm hộ, cộng đồng chứng chỉ rừng từ 2.000 - 3.000 ha).

III. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN XÂY DỰNG DỰ ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG VÀ CHỨNG CHỈ RỪNG TỈNH BẮC KẠN

1. Nội dung thực hiện

Thực hiện theo Mục 3, Điều 27, Luật Lâm nghiệp và chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 4721/BNN-TCLN ngày 15/7/2020 về việc thực hiện xây dựng phương án quản lý rừng bền vững, cụ thể:

1.1. Đối với diện tích rừng đặc dụng, phòng hộ:

Thực hiện việc tích hợp nội dung các phương án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng của các tổ chức: Khu bảo tồn Loài và Sinh cảnh Nam Xuân Lạc; Khu bảo tồn thiên nhiên Kim Hỷ; Vườn quốc gia Ba Bể; Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Bắc Kạn; các tổ chức, doanh nghiệp khác là chủ rừng tổng hợp lại các nội dung cơ bản của phương án quản lý rừng bền vững đối với từng loại rừng, cụ thể như sau:

- Đối với rừng đặc dụng:

+ Đánh giá điều kiện tự nhiên kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; thực trạng hệ sinh thái rừng, đa dạng sinh học, nguồn gen thực vật, di tích lịch sử, văn hóa, cảnh quan.

+ Xác định mục tiêu, phạm vi quản lý rừng bền vững.

+ Xác định diện tích rừng tại các phân khu chức năng bị suy thoái được phục hồi và bảo tồn.

+ Xác định hoạt động quản lý, bảo vệ, bảo tồn, phát triển và sử dụng rừng.

+ Giải pháp tổ chức thực hiện.

- Đối với rừng phòng hộ:

+ Đánh giá điều kiện tự nhiên kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; thực trạng tài nguyên rừng.

+ Xác định mục tiêu, phạm vi quản lý rừng bền vững.

+ Xác định chức năng phòng hộ của rừng.

+ Xác định hoạt động quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng.

+ Giải pháp tổ chức thực hiện.

1.2. Đối với diện tích rừng sản xuất:

Thực hiện triển khai các nội dung công việc, phương pháp thực hiện xây dựng dự án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng đối với diện tích rừng tự nhiên và rừng trồng sản xuất sản, cụ thể như sau:

- Đánh giá thực trạng điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội trên địa bàn 8 huyện, thành phố.

- Rà soát, đánh giá lại toàn bộ diện tích rừng tự nhiên, rừng trồng là rừng sản xuất của các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng quản lý trên địa bàn 8 huyện, thành phố theo các tiêu chí về: Quyền sở hữu rừng và đất lâm nghiệp hợp pháp, nguồn gốc rừng, mục đích sử dụng rừng... để lựa chọn ra 80.000 ha rừng tự nhiên là rừng sản xuất đủ điều kiện xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và 40.000 ha rừng trồng sản xuất đủ điều kiện xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và xây dựng hồ sơ phục vụ cấp chứng chỉ rừng (kế thừa tài liệu thứ cấp).

- Rà soát, đánh giá thực trạng công tác quản lý bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, hiện trạng cơ sở hạ tầng, các chương trình dự án đã thực hiện, chú trọng tới diện tích rừng tự nhiên sản xuất của các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng quản lý trên địa bàn 8 huyện, thành phố.

- Xác định mục tiêu, phạm vi của dự án quản lý rừng bền vững trong giai đoạn thực hiện.

- Xác định các hoạt động chính của dự án:

+ Lập danh sách hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng đủ điều kiện theo các tiêu chí quản lý rừng bền vững để tham gia dự án, thành lập các nhóm hộ gia đình, cộng đồng chứng chỉ rừng.

+ Xây dựng hệ thống bản đồ chuyên ngành theo quy định tại thông tư 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 cho diện tích rừng tự nhiên sản xuất và các nhóm hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng vùng dự án.

+ Củng cố, xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và hồ sơ xin cấp chứng chỉ rừng của các nhóm hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng vùng dự án theo giai đoạn.

+ Tập huấn, nâng cao năng lực cho các nhóm hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng vùng dự án để đáp ứng các yêu cầu về quản lý rừng bền vững, chứng chỉ rừng.

+ Xây dựng sổ tay, tài liệu hướng dẫn quản lý rừng bền vững phù hợp với điều kiện địa phương cho các nhóm hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng vùng dự án.

1.3. Xây dựng giải pháp và tổ chức thực hiện dự án.

1.4. Tổng hợp xây dựng dự án trình UBND tỉnh phê duyệt Dự án.

2. Phương pháp thực hiện

2.1. Công tác chuẩn bị:

- Thu thập tài liệu, văn bản Trung ương, địa phương, bản đồ phục vụ cho việc xây dựng dự án.

- Thu thập cơ sở dữ liệu về hiện trạng rừng, hiện trạng đa dạng sinh học, hạ tầng cơ sở, báo cáo, số liệu về kinh tế - xã hội, các chương trình, dự án phát triển lâm nghiệp và kinh tế - xã hội trên địa bàn.

2.2. Đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng và hiện trạng giao thông vùng dự án:

a) Nội dung thực hiện:

- Điều tra tình hình dân sinh kinh tế xã hội.

- Điều tra, đánh giá hiệu quả của các biện pháp lâm sinh đã tác động.

- Khảo sát thu nhập của người dân liên quan đến sản xuất lâm nghiệp như:

+ Các thông tin về hộ gia đình: Tên chủ hộ; lao động;

+ Các thông tin về đất lâm nghiệp được giao: Diện tích rừng trồng; diện tích rừng tự nhiên; diện tích rừng cộng đồng.

+ Các biện pháp lâm sinh đã áp dụng và dự kiến sẽ áp dụng đối với rừng và đất lâm nghiệp được giao.

+ Các sản phẩm lâm sản ngoài gỗ được lấy từ rừng: Gỗ, củi; song mây; tre nứa; măng; cây thuốc...

+ Xác định giá trị lâm sản ngoài gỗ thu hái bình quân năm.

+ Nhu cầu của chủ rừng về xây dựng chứng chỉ quản lý rừng bền vững.

b) Phương pháp thu thập:

- Thu thập từ các nguồn thông tin thứ cấp: Niên giám thống kê của tỉnh; báo cáo tổng kết hàng năm của tỉnh; chiến lược và phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội.

- Thông qua phỏng vấn, làm việc với phòng, ban chức năng của tỉnh để thu thập bổ sung các số liệu, báo cáo thống kê đã cập nhật tới thời điểm lập dự án về: Tình hình dân cư; báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội; báo cáo thực trạng giáo dục, y tế, văn hóa; thực trạng cơ sở hạ tầng về giao thông trong khu vực...

2.3. Đánh giá hiện trạng rừng, trữ lượng rừng và các hệ sinh thái rừng, di tích lịch sử - văn hoá, cảnh quan (kế thừa tài liệu thứ cấp)

a) Nội dung thực hiện:

- Thu thập số liệu, bản đồ theo dõi diễn biến rừng tại các khu rừng.
- Cập nhật hiện trạng diện tích các trạng thái rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh (Đối với rừng tự nhiên; đối với rừng trồng).
- Tổng hợp đánh giá trữ lượng rừng bình quân theo các loại rừng trên cơ sở bản đồ và phân tích báo cáo kết quả kiểm kê rừng năm 2012.
- Đánh giá về hiện trạng rừng, tài nguyên rừng và giá trị đa dạng sinh học, di tích lịch sử, cảnh quan trên địa bàn tỉnh.

b) Phương pháp thực hiện:

- Kế thừa bản đồ và báo cáo kết quả kiểm kê rừng, bản đồ rà soát quy hoạch 3 loại rừng và tham khảo ảnh vệ tinh miễn phí hiện có để cập nhật những thay đổi về hiện trạng rừng nếu có.
- Kế thừa số liệu điều tra đa dạng sinh học và bản đồ phân bố của các loài động thực vật phân bố ở các khu rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.
- Thông qua phỏng vấn, làm việc với phòng ban chức năng của tỉnh (Sở NN&PTNT, Chi cục Kiểm lâm, các Ban quản lý của các khu rừng đặc dụng, Công ty lâm nghiệp trên địa bàn...) để thu thập bổ sung các số liệu, báo cáo thống kê về các di tích lịch sử - văn hoá, cảnh quan trên địa bàn tỉnh.

2.4. Đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học (kế thừa tài liệu thứ cấp):

a) Nội dung thực hiện:

- Thu thập số liệu, bản đồ, báo cáo đánh giá về đa dạng sinh học ở các khu rừng đặc dụng, Công ty Lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh.
- Rà soát xây dựng danh mục động vật trên cơ sở tài liệu thu thập được (bao gồm thú, chim, bò sát ếch nhái).
- Rà soát xây dựng danh mục thực vật trên cơ sở tài liệu thu thập được.
- Tổng hợp xây dựng bản đồ phân bố các loài động vật quý hiếm.
- Tổng hợp xây dựng bản đồ phân bố các loài thực vật quý hiếm.
- Đánh giá về giá trị đa dạng sinh học, di tích lịch sử, cảnh quan trên địa bàn tỉnh.

b) Phương pháp thực hiện:

- Kế thừa số liệu, bản đồ, báo cáo nghiên cứu điều tra đa dạng sinh học và bản đồ phân bố của các loài động, thực vật phân bố ở các khu rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.
- Thông qua phỏng vấn, làm việc với phòng ban chức năng của tỉnh (Sở Nông nghiệp và PTNT, Chi cục Kiểm lâm, các Ban quản lý của các khu rừng đặc dụng, Công ty lâm nghiệp trên địa bàn...) để thu thập bổ sung các số liệu, báo cáo thống kê về đa dạng sinh học cũng như phân bố của các loài quý hiếm trên địa bàn tỉnh để tổng hợp xây dựng bản đồ.

2.5. *Rà soát, đánh giá thực trạng công tác quản lý bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, hiện trạng cơ sở hạ tầng, các chương trình dự án đã thực hiện (kế thừa tài liệu thứ cấp):*

a) Nội dung thực hiện:

- Đánh giá thực trạng quản lý rừng tự nhiên, rừng trồng, đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh, bao gồm: Công tác bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng và sâu bệnh gây hại rừng; quản lý lâm sản ngoài gỗ; quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học; công tác quản lý, xử lý vi phạm pháp luật về công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học.

- Thống kê, đánh giá hiện trạng hạ tầng, cơ sở vật chất phục vụ cho các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

- Thống kê, đánh giá kết quả thực hiện các dự án đã triển khai trên địa bàn.

- Đánh giá những ưu điểm, tồn tại trong công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học.

b) Phương pháp thực hiện:

- Làm việc với các cơ quan liên quan (Sở Nông nghiệp và PTNT, Chi cục Kiểm lâm, các Ban quản lý của các khu rừng đặc dụng, Công ty lâm nghiệp trên địa bàn, UBND các huyện, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn có nhiều rừng) để thu thập các báo cáo kết quả thực hiện công tác quản lý bảo vệ rừng và đa dạng sinh học, thống kê các vụ vi phạm và mức độ vi phạm.

- Khảo sát hiện trường đánh giá những kết quả đã triển khai (Khoảng 7 hạng mục thực hiện).

- Sử dụng phương pháp chuyên gia phân tích, đánh giá thực trạng các hoạt động quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học; hiện trạng cơ sở hạ tầng, các chương trình dự án đã thực hiện.

2.6. *Xác định mục tiêu, phạm vi của dự án quản lý rừng bền vững trong giai đoạn thực hiện:*

a) Nội dung thực hiện:

Cần xác định được các mục tiêu chung của dự án, mục tiêu cụ thể của dự án. Trong đó các mục tiêu cụ thể cần xác định rõ thành các nhóm mục tiêu (i) Mục tiêu về môi trường; (ii) Mục tiêu về xã hội; (iii) Mục tiêu về kinh tế.

b) Phương pháp thực hiện:

Họp thảo luận xác định các mục tiêu. Dựa trên kết quả phân tích điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội và tài nguyên rừng, tài nguyên đa dạng sinh học, định hướng phát triển KT-XH của địa phương, thuận lợi và khó khăn kết hợp với kết quả thống nhất với các bên liên quan để xác định chính xác các mục tiêu cần cho Dự án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng của tỉnh.

2.7. *Xác định các hoạt động của dự án:*

a) Nội dung thực hiện:

- Xác định các hoạt động trong giai đoạn của dự án: Các hoạt động có thể

bao gồm tập huấn nâng cao năng lực về công tác lập phương án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng; hoạt động phát triển rừng bao gồm các giải pháp kỹ thuật lâm sinh như: Bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi tái sinh có trồng bổ sung, trồng rừng (trồng mới, trồng lại rừng sau khai thác, tái sinh chồi); hoạt động khai thác và chế biến lâm sản; hoạt động về đầu tư phát triển hạ tầng; hoạt động về du lịch dịch vụ môi trường rừng; hoạt động về xây dựng phương án quản lý rừng bền vững; hoạt động về cấp chứng chỉ rừng...

- Xác định các hoạt động ưu tiên trong phân kỳ thực hiện dự án.

- Xác định nguồn vốn thực hiện các hoạt động và phân kỳ vốn thực hiện dự án và cần xác định khái toán tổng nhu cầu vốn đầu tư cho thực hiện toàn bộ dự án đồng thời xác định và phân rõ nguồn vốn đóng góp thực hiện của các bên (Ngân sách Nhà nước, dân góp và các nguồn vốn khác...).

b) Phương pháp thực hiện:

- Kế hoạch quản lý bảo vệ rừng cho các chủ rừng được xác định dựa trên kết quả phân tích thực trạng tài nguyên rừng, đa dạng sinh học của từng chủ rừng, thực trạng quản lý rừng và bảo tồn đa dạng sinh học, những thuận lợi và khó khăn và thông qua hội thảo lập kế hoạch xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng với sự tham gia của các bên liên quan như Sở Nông nghiệp và PTNT, Chi cục Kiểm lâm, các Ban quản lý của các khu rừng đặc dụng, Công ty lâm nghiệp trên địa bàn, UBND các huyện, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn.

- Kế hoạch bảo vệ rừng và kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học dựa vào thực trạng và kết quả phân tích áp lực thách thức đối với từng khu rừng để xác định các biện pháp bảo vệ phù hợp cho từng khu rừng. Các biện pháp ưu tiên bảo tồn đa dạng sinh học được xác định thông qua thảo luận với các tiêu chí rõ ràng.

- Dựa vào kết quả cập nhật bản đồ hiện trạng rừng mới nhất.

- Dựa vào kết quả xây dựng kế hoạch phát triển rừng của các chủ rừng kết hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch sử dụng đất của địa phương.

- Dựa vào kết quả điều tra, tiến hành thảo luận để lập kế hoạch phát triển rừng cho từng đối tượng theo quy định tại Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về Quy định các biện pháp lâm sinh.

- Căn cứ kết quả kiểm kê rừng và diện tích rừng trồng thực nghiệm, nghiên cứu, khoa học của Ban quản lý Vườn Quốc gia Ba Bê, Ban quản lý các Khu Bảo tồn thiên nhiên hiện có, đối chiếu quy định tại Điều 55 của Luật Lâm nghiệp, Quy chế quản lý rừng và quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về khai thác lâm sản để xác định đối tượng, diện tích, chủng loại, sản lượng, địa điểm khai thác lâm sản. Cách tính sản lượng gỗ khai thác rừng theo quy định tại Phụ lục V của Thông tư 28/2018/TT-BNNPTNT.

- Trên cơ sở thu thập và phân tích các thông tin, định hướng phát triển, mục tiêu bảo tồn kết hợp với phương pháp chuyên gia, tiến hành xác lập các nội dung hoạt động, đề xuất các đề tài nghiên cứu khoa học, nhu cầu đào tạo tăng cường năng lực.

2.8. Xây dựng các giải pháp và tổ chức thực hiện:

a) Nội dung thực hiện:

Các giải pháp thực hiện gồm:

- (i) giải pháp về công tác quản lý, nguồn nhân lực;
- (ii) Giải pháp về phối hợp với các bên liên quan;
- (iii) Giải pháp về khoa học, công nghệ;
- (iv) Giải pháp về nguồn vốn, huy động nguồn vốn đầu tư;
- (v) Giải pháp về thị trường (nếu có);
- (vi) Các giải pháp khác.

b) Phương pháp:

- Xác định các giải pháp dựa trên kết quả tổng hợp phân tích các chính sách hiện hành về quản lý, tổ chức, phát triển nguồn nhân lực, các chính sách về phát triển khoa học công nghệ... và thông qua các tham vấn, thảo luận, xác định tiềm năng các hoạt động để kêu gọi xã hội hóa các hoạt động quản lý rừng bền vững.

- Các giải pháp thực hiện cần cụ thể, khả thi, phù hợp với các chính sách hiện hành và xu hướng phát triển trong tương lai.

2.9. Tổng hợp xây dựng dự án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng tỉnh Bắc Kạn:

Tổng hợp, phân tích các kết quả điều tra đánh giá, tiến hành xây dựng dự án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng, tổ chức hội thảo tham vấn các cấp và hoàn thiện báo cáo, bản đồ thành quả trình UBND tỉnh phê duyệt.

IV. THỜI GIAN THỰC HIỆN, SẢN PHẨM GIAO NỘP

1. Đối với xây dựng Dự án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng tỉnh Bắc Kạn

Xây dựng, trình phê duyệt kế hoạch, phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết; thực hiện lựa chọn nhà thầu tư vấn; xây dựng dự án; báo cáo kết quả thực hiện; thẩm định, ban hành Quyết định phê duyệt dự án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2030, hoàn thành trong năm 2021.

2. Đối với xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững

Các ban quản lý rừng đặc dụng, các chủ rừng là tổ chức thuộc các thành phần kinh tế phải hoàn thành việc xây dựng phương án gửi Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét, lấy ý kiến các Sở, ngành Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương về nội dung phương án, trình UBND tỉnh phê duyệt.

Phương án quản lý rừng bền vững là cơ sở để tích hợp các loại rừng vào quy hoạch lâm nghiệp quốc gia, quy hoạch tỉnh và là căn cứ để xây dựng kế hoạch đầu tư công, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng đối với các chủ rừng có sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước sau năm 2020.

3. Sản phẩm giao nộp

- Toàn bộ kết quả điều tra, khảo sát, biên bản, bảng biểu liên quan theo các nội dung đã thực hiện tại phần III.

- Báo cáo kết quả xây dựng Dự án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2030 (có bảng biểu kèm theo): 10 bộ.

- Bản đồ thành quả dự án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2030 tỷ lệ 1/100.000: 04 bộ.

- Bản đồ thành quả dự án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng cấp huyện giai đoạn 2021 - 2030 tỷ lệ 1/50.000: Mỗi huyện 02 bộ.

- Tài liệu hướng dẫn xây dựng phương án quản lý rừng bền vững cho từng loại rừng (rừng tự nhiên: rừng giàu; rừng trung bình; rừng nghèo...; các loại rừng trồng), từng khu vực (Theo từng vùng có chung điều kiện lập địa) và từng loại cây trồng cụ thể: Gồm 01 bản hướng dẫn các nguyên tắc chung về xây dựng phương án quản lý rừng bền vững; các bản hướng dẫn cụ thể về xây dựng phương án quản lý rừng bền vững: Chủ đầu tư: 02 bộ; mỗi huyện, thành phố: 01 bộ.

- Tài liệu hướng xây dựng hồ sơ phục vụ cấp chứng chỉ rừng trồng cho nhóm hộ gia đình, cộng đồng dân cư: Chủ đầu tư: 02 bộ; mỗi huyện, thành phố: 01 bộ.

- Kế hoạch tập huấn xây dựng phương án quản lý rừng bền vững sẽ hỗ trợ cho nhóm hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng thực hiện xây dựng phương án quản lý rừng bền vững tiến tới cấp chứng chỉ rừng (chứng chỉ rừng trong nước và quốc tế): Chủ đầu tư: 02 bộ; mỗi huyện, thành phố: 01 bộ.

- File mềm bản đồ báo cáo và các bản đồ: 03 bộ USB và đĩa DVD.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí: Từ nguồn chi sự nghiệp kinh tế của tỉnh.

2. Dự toán kinh phí:

Tổng dự toán kinh phí xây dựng Dự án: 996.350.000 đồng (*Bằng chữ: Chín trăm chín mươi sáu triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Chi phí trực tiếp:	865.887.811 đồng.
- Chi phí khác:	39.875.000 đồng.
- Chi phí tư vấn lựa chọn nhà thầu:	4.000.000 đồng.
- Thuế giá trị gia tăng:	86.588.781 đồng.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bắc Kạn: Làm chủ đầu tư thực hiện việc xây dựng Dự án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2030. Phối hợp với nhà thầu tư vấn tiến hành lập Dự án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2030 (Dự án tổng thể) đảm bảo đúng quy định, trình Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, các chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phối hợp chặt chẽ với Chi cục Kiểm lâm, nhà thầu tư vấn trong quá trình triển khai thực hiện.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và PTNT) để xem xét, chỉ đạo giải quyết kịp thời./.